

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/DS-ST
Ngày: 19-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Ngọc N, sinh ngày 05/9/1979.

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1984. (có mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Quách Tường D, sinh năm 1982.

Đăng ký thường trú: Ấp R, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Cư trú: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông D: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1996. (có mặt)

Đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, Sóc Trăng.

Địa chỉ liên lạc: Ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Luật sư Biện Công N2
– Văn phòng L – Đoàn Luật sư tỉnh S. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Sơn Thanh V, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2022 cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/11/2016 âm lịch (nhằm ngày 18/12/2016 dương lịch) bà N có cho vợ chồng ông Quách Tường D và bà Sơn Thanh V vay số tiền 242.000.000 đồng, mục đích vay là dùng trong gia đình, thời hạn vay là 10 ngày đến 15 ngày sẽ trả. lãi suất thoả thuận 3%/ tháng, do hai bên quen biết nhau nên việc vay tiền không có làm biên nhận.

Bà N đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D, bà V trả tiền nhưng ông D hứa hẹn mà không trả nên bà N mới làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp R giải quyết, tại buổi hoà giải ngày 01/8/2017 của ấp là ông D thừa nhận có vay của bà N số tiền như trên. Bà N cũng đã 02 lần nộp đơn khởi kiện ra Toà án vào những năm trước, đây là lần khởi kiện thứ ba, nhưng do các lần khởi kiện trước Toà án không tổng đạt được, ông D không có mặt ở địa phương nên bà N rút đơn khởi kiện.

Theo đơn khởi kiện bà N yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông D và bà V trả cho bà N số tiền vay 242.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến thời điểm xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay do bên bị đơn đặt ra yêu cầu về áp dụng thời hiệu khởi kiện về hợp đồng nên nguyên đơn rút lại phần yêu cầu về tiền lãi, yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông D và bà V trả tiền gốc 242.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Quách Tường D là ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Ông D có vay của bà N số tiền 242.000.000 đồng để làm công trình, lý do ông D là thầu xây dựng công trình, khi vay thoả thuận lãi suất 3%/ tháng, sau đó ông D đã vay tiền của Ngân hàng và đã trả ngay cho bà N, cuộc gọi ghi âm bà N cung cấp cho Toà án là cuộc gọi nói chuyện giữa bà N và ông D, đây là cuộc gọi được gọi trước khi ông trả tiền cho bà N, khi trả tiền là bà N xé giấy nợ bỏ và không có ai chứng kiến.

Ông D không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà N, đồng thời yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện, lý do tính từ thời điểm các bên xảy ra tranh chấp đến nay đã trên 03 năm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thanh V có lời khai:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, việc bà N và ông D giao

dịch vay tiền với nhau là không liên quan đến bà, trước đây khi bà N cho nhiều người đến nhà kiểm ông D để đòi nợ thì bà V mới biết, sau đó ông D có nói cho bà V là ông D có mượn tiền của bà N để trả tiền cho thợ làm công trình, bà V đã đưa quyền sử dụng đất do bà V đứng tên để thế chấp, vay tiền Ngân hàng trả nợ cho bà N, sau khi vay Ngân hàng là ông D mang tiền đi trả cho bà N, bà không có cùng đi trả.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Quách Tường D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu khởi kiện bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 242.000.000 đồng và bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật, đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi do nguyên đơn rút kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án tiến hành triệu tập bà Sơn Thanh V tham dự phiên tòa, nhận thấy đây là phiên tòa lần thứ hai, đương sự đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào Điểm b, Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Sơn Thanh V.

[2] Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đơn kiện bà N yêu cầu trả vốn vay 242.000.000 đồng và trả lãi là 285.221.200 đồng, tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu trả tiền vốn vay 242.000.000 đồng và rút phần yêu cầu về tiền lãi. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên là không vượt phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N trình bày là có cho vợ chồng ông D, bà V vay 242.000.000 đồng vào ngày 18/12/2016. Bị đơn ông D thừa nhận có vay 242.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông D thừa nhận có vay số tiền 242.000.000 đồng nên đây là tình tiết sự thật không phải chứng minh.

[4] Ông D cho rằng đã trả tiền vay vào ngày 24/01/2017, việc vay có làm biên nhận, khi trả là bà N đã xé bỏ giấy nợ. Bà N cho rằng vay không có làm giấy tờ và chưa trả. Bà N cung cấp đoạn ghi âm cuộc gọi của bà N với ông D, ông D thừa nhận cuộc gọi, theo đó nội dung cuộc gọi là bà N có nói bà cho ông D vay nhưng không có làm giấy tờ và yêu cầu ông D viết giấy nợ và ông D đã không phản đối ý kiến này của bà N. Như vậy bà N cho rằng vay không có làm giấy tờ

là sự thật. Tại phiên toà người đại diện uỷ quyền của ông D cho rằng lúc vay không có làm biên nhận nhưng sau đó bà N đã yêu cầu viết biên nhận và ông D đã viết biên nhận cho bà N nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ông D cũng cho rằng đã trả tiền cho bà N nhưng bà N không thừa nhận và ông D không xuất trình được chứng cứ để chứng minh việc trả tiền. Căn cứ Điều 463, 166 Bộ luật Dân sự, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản của mình là số tiền đã cho vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về ý kiến của bà V, bà V cho rằng ông D vay tiền, bà không vay nên không có trách nhiệm trả, ngoài ra khi biết ông D vay để trả tiền công làm thợ công trình là bà đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông D thế chấp, vay tiền của Ngân hàng trả nợ cho bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích trên, không có chứng cứ để chứng minh đã trả tiền cho bà N, mặc khác tuy giao dịch vay tiền là chỉ có một mình ông D thực hiện nhưng mục đích giao dịch là để có tiền phục vụ cho việc thực hiện xây dựng công trình, do ông D làm thầu xây dựng, để kiếm lợi nhuận, phục vụ cuộc sống sinh hoạt trong gia đình. Căn cứ Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ, chồng có nghĩa vụ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu bà V cùng có nghĩa vụ trả tiền vay.

[6] Về chi phí giám định: Bà Tô Thị Ngọc N có nghĩa vụ nộp số tiền giám định là 2.580.000 đồng, do cơ quan chuyên môn không giám định được đoạn ghi âm mà nguyên đơn cung cấp, khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp, bà N đã nộp xong chi phí giám định.

[7] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông D đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ như đã phân tích trên.

[9] Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166, Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Quách Tường D và bà Sơn Thanh V cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Tô Thị Ngọc N số tiền là 242.000.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Chi phí giám định: Bà Tô Thị Ngọc N có nghĩa vụ nộp số tiền là 2.580.000 đồng, bà N đã nộp xong.

Về án phí: ông Quách Tường D và bà Sơn Thanh V cùng có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 12.100.000 đồng.

Hoàn trả bà Tô Thị Ngọc N số tiền tạm ứng án phí 12.544.000 đồng, theo biên lai thu số 0002848 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng